

## PHÂN TÍCH VIỆC THỰC HIỆN KẾT QUẢ TRÚNG THẦU THUỐC TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TRUNG ƯƠNG NĂM 2021

Hồ Hồng Hạnh<sup>1</sup>, Nguyễn Huy Tuấn<sup>1</sup>, Đỗ Xuân Thắng<sup>2</sup>

### TÓM TẮT

Việc sử dụng thuốc theo kết quả trúng thầu liên quan tới cung ứng thuốc kịp thời, đầy đủ, hợp lý, đồng thời tuân thủ các quy định của Bộ Y tế đối với các cơ sở y tế công lập. Nghiên cứu này được tiến hành nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng thuốc theo kết quả trúng thầu tại Bệnh viện Phụ sản Trung Ương để có những điều chỉnh, bổ sung nhằm lựa chọn được thuốc đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và ổn định về giá, góp phần nâng cao hiệu quả khám chữa bệnh tại Bệnh viện. **Phương pháp nghiên cứu:** Thiết kế mô tả cắt ngang, hồi cứu danh mục thuốc bệnh viện, danh mục thuốc trúng thầu. **Kết quả:** Danh mục có tổng cộng 117 thuốc trúng thầu với giá trị đạt 99,98 tỉ VNĐ. Tuy nhiên chỉ có 96 thuốc thực hiện (chiếm 82,05% số khoản mục) đạt giá trị 61,2 tỉ VNĐ, tương ứng với 61,21% giá trị trúng thầu. Danh mục thuốc thực hiện theo kết quả trúng thầu bao gồm 19 nhóm tác dụng dược lý. Do ảnh hưởng của dịch COVID-19 năm 2021, giá trị thực hiện gói thầu của tháng 8 và tháng 9 sụt giảm mạnh với giá trị chỉ đạt từ 3 đến 4 tỉ VNĐ, tương đương 60% trung bình các tháng trong năm 2021. Phân tích ABC/VEN cho kết quả nhóm AV, AE gồm 11 khoản chiếm gần 80% giá trị sử dụng. Thuốc nhóm BN gồm 1 thuốc chiếm tỷ lệ 1,04% khoản mục và 0,55% giá trị sử dụng. Cơ cấu danh mục trúng thầu và danh mục thuốc thực hiện của Bệnh viện cơ bản phù hợp với mô hình bệnh tật. **Từ khóa:** Thực hiện kết quả trúng thầu, Bệnh viện Phụ sản Trung Ương, Thông tư 15/TT-BYT (TT15)

### SUMMARY

#### THE IMPLEMENTATION OF DRUG BIDDING RESULT AT NATIONAL HOSPITAL OF OBSTETRICS AND GYNECOLOGY IN 2021

The implementation of drug bidding results related to in-time and reasonable supply of drugs, and at the same time enforcing the rules of the Ministry of Health for public hospital. This study was conducted to evaluate the implementation of drug bidding result at National hospital of obstetrics and gynecology (NHOG) to adjust and to select medicines that ensure quality standards and price stability, contributing to improving the efficiency of medical examination and treatment. **Research Methods:** Cross-sectional descriptive design, data were collected from the hospital drugs list and implementation of drug bidding

list. **Result:** The drug bidding list has a total of 117 medicines with a value of 99,98 billion VND. However, only 96 drugs (accounting for 82.05% of the drug items) reached the value of 61.2 billion VND, equivalent to 61.21% rate of money value implementation. The drugs list used to include 19 treatment groups. Due to the impact of the COVID-19, the implementing rate in terms of money value in August and September dropped sharply from 3 billion to 4 billion VND, equivalent to 60% of the average value of monthly drug used in 2021. The ABC-VEN analysis showed that AV, AE group including 11 drugs, accounting for nearly 80% of the value. Drugs in group patients include one medicine, accounting for 1.04% of items and 0.55% of value. The structure of the list of drug bidding and the hospital drugs list implemented by the NHOG is suitable for the treatment groups.

**Keywords:** The implementation of drug bidding result, National hospital of obstetrics and gynecology, circular 15/TT-BYT

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc cung ứng thuốc kịp thời, đầy đủ với chất lượng tốt và giá cả hợp lý đóng vai trò vô cùng quan trọng, đồng thời là nhiệm vụ hàng đầu của các Bộ ban ngành nói chung và cơ sở y tế nói riêng. Bộ Y tế ban hành Thông tư số 15/2019/TT-BYT quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập[1]. Thông qua đấu thầu, các cơ sở y tế lựa chọn được thuốc đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và ổn định về giá, góp phần nâng cao hiệu quả khám chữa bệnh. Bên cạnh đó, công tác đấu thầu cũng giúp các cơ quan chức năng nắm bắt chặt chẽ và sát sao trong quá trình quản lý, chỉ đạo, kiểm tra thủ tục mua đúng quy định, thanh toán và kiểm tra công tác khám chữa bệnh tại các đơn vị khám chữa bệnh.

Tại bệnh viện Phụ Sản Trung Ương đã có một số nghiên cứu về danh mục thuốc sử dụng năm 2014 và 2017. Các nghiên cứu đã mô tả cơ cấu sử dụng thuốc và phân tích danh mục thuốc sử dụng theo phân loại ABC và ma trận ABC/VEN tại Bệnh viện Phụ sản Trung Ương. Tuy nhiên, nghiên cứu chưa đi sâu vào tìm hiểu về cơ cấu danh mục thuốc trúng thầu do bệnh viện tự đấu thầu, danh mục thuốc thực hiện theo kết quả trúng thầu, nguyên nhân thuốc trúng thầu không sử dụng hoặc sử dụng không đạt yêu cầu tối thiểu. Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu: So sánh danh mục thuốc sử dụng với danh mục thuốc trúng thầu tại Bệnh viện Phụ sản

<sup>1</sup>Bệnh viện Phụ sản Trung Ương

<sup>2</sup>Trường Đại học Dược Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Hồ Hồng Hạnh

Email: hanhhongho@gmail.com

Ngày nhận bài: 8.5.2023

Ngày phản biện khoa học: 21.6.2023

Ngày duyệt bài: 10.7.2023

Trung Ương năm 2021. Từ đó xác định một số vấn đề tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng thuốc theo kết quả trúng thầu tại Bệnh viện.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**Đối tượng:** - Danh mục thuốc trúng thầu năm 2021 do Bệnh viện tự đấu thầu tại Bệnh viện Phụ sản Trung Ương.

- Danh mục thuốc sử dụng năm 2021 của Bệnh viện Phụ sản Trung Ương.

### Phương pháp nghiên cứu

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### So sánh danh mục thuốc sử dụng với danh mục thuốc trúng thầu tại Bệnh viện Phụ sản Trung Ương năm 2021

Kết quả thực hiện sử dụng thuốc theo danh mục thuốc trúng thầu được trình bày:

**Bảng 1. Tỷ lệ phần trăm thuốc thực hiện so với trúng thầu**

| STT      | Nội dung                   | SKM        | Tỷ lệ (%)    | GT trúng thầu (nghìn VNĐ) | Tỷ lệ (%)    | GT thực hiện (Nghìn VNĐ) | Tỷ lệ thực hiện (%) |
|----------|----------------------------|------------|--------------|---------------------------|--------------|--------------------------|---------------------|
| <b>1</b> | <b>Không sử dụng</b>       | <b>21</b>  | <b>17,95</b> | <b>3.516.959</b>          | <b>3,52</b>  | <b>0</b>                 | <b>0</b>            |
| <b>2</b> | <b>Sử dụng</b>             | <b>96</b>  | <b>82,05</b> | <b>96.463.512</b>         | <b>96,48</b> | <b>61.201.813</b>        | <b>63,45</b>        |
| 2.1      | Sử dụng dưới 80%           | 75         | 64,10        | 79.020.181                | 87,62        | 41.737.476               | 52,82               |
| 2.2      | Sử dụng từ 80% đến 120%    | 12         | 10,26        | 14.079.219                | 5,50         | 12.378.018               | 87,92               |
| 2.3      | Sử dụng trên 120%          | 9          | 7,69         | 3.364.112                 | 3,36         | 7.086.319                | 210,64              |
|          | <b>Tổng DMT trúng thầu</b> | <b>117</b> | <b>100</b>   | <b>99.980.471</b>         | <b>100</b>   | <b>61.201.813</b>        | <b>61,21</b>        |

**Nhận xét:** Từ kết quả phân tích tỷ lệ thuốc thực so với trúng thầu nhận thấy vấn đề nổi bật là số lượng khoản mục không được thực hiện chiếm tỷ trọng rất lớn là 21 khoản mục (17,95%). Trong tổng số 117 thuốc trúng thầu chỉ có 96 thuốc thực hiện với tỷ lệ thực hiện chỉ 61,21%, nhỏ hơn nhiều so với quy định tại Thông tư 15/2019/TT-BYT yêu cầu tối thiểu thực hiện 80% giá trị gói thầu. Bên cạnh đó, tỷ lệ thuốc sử dụng từ đạt 80% đến 120% chỉ chiếm 12 khoản mục, tương đương 10,26%.

Tỷ lệ sử dụng dưới 80% gồm 75 khoản mục, chiếm 41,7 tỷ VNĐ và chỉ đáp ứng giá trị thực hiện là 52,82%. So với tổng giá trị thực hiện gói thầu của Bệnh viện 2021 là hơn 61 tỉ đồng, giá trị thực hiện dưới 80% đạt gần 53%. Bên cạnh đó, tỷ lệ thực hiện dưới 80% này so với tổng giá trị hợp đồng (96,46 tỉ) chiếm 43,27%, có thể thấy phần lớn các khoản mục đều có tỷ lệ thực hiện thấp hơn so với quy định tại Thông tư 15/2019/TT-BYT[1].

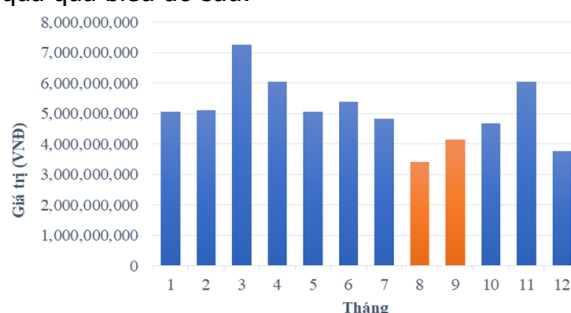
Thuốc thực hiện theo từng tháng

Tỷ lệ thực hiện hợp đồng được nêu ở phần trước bị tác động một phần do đại dịch COVID-19 bắt đầu từ giữa năm 2020 tại Việt Nam và đặc biệt bùng phát tại Hà Nội nửa cuối năm 2021, khiến các bệnh viện tuyến Trung ương cũng như các bệnh viện tại Hà Nội có những biến động rất lớn về việc khám chữa bệnh do lệnh

Thiết kế nghiên cứu: phương pháp mô tả cắt ngang – hồi cứu.

**Phương pháp thu thập số liệu:** nghiên cứu tài liệu: báo cáo, các thông tin lưu trữ trong hoạt động đấu thầu, sử dụng thuốc của Bệnh viện Phụ sản Trung Ương. Số liệu sau khi thu thập được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2010. Phân tích số liệu theo phương pháp phân tích tỷ trọng, phân tích nhóm điều trị, phân tích ABC/VEN.

giãn cách xã hội. Phân tích cụ thể giá trị thực hiện kết quả trúng thầu thuốc năm 2021 cho kết quả qua biểu đồ sau:



**Hình 1. Giá trị thực hiện thuốc theo từng tháng**

Theo kết quả ghi nhận, giá trị thực hiện gói thầu của tháng 8, 9 sụt giảm mạnh với giá trị chỉ khoảng 3 đến 4 tỉ VNĐ, ước tính tương đương 2/3 các tháng khác trong năm. Thành phố Hà Nội áp dụng giãn cách xã hội từ 06h00 ngày 24/7/2021 theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ đến 06h00 ngày 21/9/2021, Thành phố Hà Nội chính thức nới lỏng giãn cách xã hội, do đó lượng bệnh nhân phục hồi dần trong những tháng tiếp theo[2].

Tuy nhiên, Bệnh viện Phụ sản Trung Ương không ảnh hưởng nặng nề bởi dịch COVID-19 như một số bệnh viện khác trên địa bàn thành phố, không bị phong tỏa và vẫn có một lượng bệnh nhân để nhất định. Một số khoa phòng như

Phụ ngoại, Phụ ung thư, đối tượng giữ thai vẫn có bệnh nhân lưu trú nên vẫn có số lượng sử dụng.

Kết quả thực hiện danh mục thuốc trúng thầu theo nhóm tác dụng dược lý

**Bảng 2. Cơ cấu sử dụng thuốc trúng thầu theo nhóm tác dụng dược lý**

| TT          | Tên nhóm   | Số khoản mục |           |            |                 | Giá trị           |                   |            |                 |
|-------------|--|--------------|-----------|------------|-----------------|-------------------|-------------------|------------|-----------------|
|             |  | TT           | SD        | Tỉ lệ (%)  | Tỉ lệ SD/TT (%) | TT (nghìn VNĐ)    | SD (nghìn VNĐ)    | Tỉ lệ (%)  | Tỉ lệ SD/TT (%) |
| 1           | Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn  | 13           | 8         | 8,33       | 61,54           | 17.799.820        | 13.455.474        | 21,99      | 75,59           |
| 2           | Thuốc tác dụng trên đường hô hấp   | 4            | 4         | 4,17       | 100             | 23.374.319        | 13.414.161        | 21,92      | 57,39           |
| 3           | Thuốc có tác dụng thúc đẻ, cầm máu sau đẻ và chống đẻ non                                  | 4            | 4         | 4,17       | 100             | 15.171.057        | 10.477.350        | 17,12      | 69,06           |
| 4           | Thuốc gây tê, gây mê, thuốc giãn cơ, giải giãn cơ  | 8            | 7         | 7,29       | 87,5            | 9.151.360         | 8.047.400         | 13,15      | 87,94           |
| 5           | Thuốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch   | 14           | 11        | 11,46      | 78,57           | 11.479.405        | 6.497.822         | 10,62      | 56,60           |
| 6           | Hocmon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết   | 11           | 7         | 7,29       | 63,64           | 7.672.045         | 3.333.337         | 5,45       | 43,45           |
| 7           | Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải, cân bằng acid-base và các dung dịch tiêm truyền khác | 24           | 22        | 22,92      | 91,67           | 5.623.593         | 2.761.623         | 4,51       | 49,11           |
| 8           | Các nhóm thuốc khác (12)   | 39           | 33        | 34,37      | 84,62           | 9.708.871         | 3.214.646         | 27,2       | 33              |
| <b>Tổng</b> |  | <b>117</b>   | <b>96</b> | <b>100</b> | <b>82,05</b>    | <b>99.980.470</b> | <b>61.201.813</b> | <b>100</b> | <b>61,21</b>    |

Bệnh viện Phụ sản Trung Ương là bệnh viện chuyên khoa nhưng cơ cấu danh mục thuốc khá đa dạng và phong phú, tổng chi phí thuốc sử dụng theo danh mục đấu thầu tại Bệnh viện năm 2021 là 61,2 tỷ VNĐ, bao gồm 96 khoản thuộc 19 nhóm.

Có thể thấy 7 nhóm thuốc chính có giá trị sử dụng lớn nhất chiếm tổng cộng 90,24% tổng giá trị và 66,67% số khoản mục. Đây cũng là 7 nhóm thuốc đạt tỉ lệ thực hiện kết quả trúng thầu về giá trị rất cao, từ 43,45% đến 87,94%. Cụ thể, nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn có 13 thuốc trong danh mục trúng thầu, trong đó thực hiện 8 thuốc với giá trị thực

hiện là 13,45 tỉ VNĐ, tương đương tỉ lệ thực hiện là 75,59%, chiếm gần 20% tổng giá trị thực hiện hợp đồng của 19 nhóm tác dụng dược lý. Nhóm thuốc tác dụng trên đường hô hấp gồm 4 khoản chiếm 4,17% số khoản mục và đạt tỉ lệ sử dụng/trúng thầu là 100%. Đây là nhóm chiếm tỉ lệ cao thứ 2 trong tổng kinh phí sử dụng thuốc của Bệnh viện. Đứng thứ 3 về giá trị thực hiện kết quả trúng thầu là nhóm Thuốc có tác dụng thúc đẻ cầm máu sau đẻ và chống đẻ non với gần 10,5 tỉ VNĐ, đúng với tính chất của Bệnh viện chuyên khoa sản phụ.

**Kết quả phân tích ma trận ABC-VEN**

**Bảng 4. Phân tích ma trận ABC-VEN**

| Nhóm                        |          | Số khoản mục |             | Giá trị sử dụng       |             |
|-----------------------------|----------|--------------|-------------|-----------------------|-------------|
|                             |          | Số lượng     | Tỉ lệ (%)   | Giá trị (VNĐ)         | Tỉ lệ (%)   |
| A                           | V        | 3            | 3,13        | 19.231.741.534        | 31,42       |
|                             | E        | 8            | 8,33        | 29.582.356.006        | 48,34       |
|                             | <b>N</b> | <b>0</b>     | <b>0</b>    | <b>0</b>              | <b>0</b>    |
| B                           | V        | 4            | 4,17        | 2.008.414.600         | 3,28        |
|                             | E        | 14           | 14,58       | 6.850.495.867         | 11,19       |
|                             | <b>N</b> | <b>1</b>     | <b>1,04</b> | <b>333.854.500</b>    | <b>0,55</b> |
| C                           | V        | 8            | 8,33        | 460.670.189           | 0,75        |
|                             | E        | 46           | 47,92       | 1.950.896.102         | 3,19        |
|                             | N        | 12           | 12,50       | 783.383.757           | 1,28        |
| <b>Tổng</b>                 |          | <b>96</b>    | <b>100</b>  | <b>61.201.812.555</b> | <b>100</b>  |
| Nhóm 1 (AV, AE, AN, BV, CV) |          | 23           | 23,96       | 51.283.182.329        | 83,79       |
| Nhóm 2 (BE, BN, CE)         |          | 61           | 63,54       | 9.135.246.469         | 14,93       |

|             |           |           |                       |            |
|-------------|-----------|-----------|-----------------------|------------|
| Nhóm 3 (CN) | 12        | 12,50     | 783.383.757           | 1,28       |
| <b>Tổng</b> | <b>96</b> | <b>96</b> | <b>61.201.812.555</b> | <b>100</b> |

**Nhận xét:** Phối hợp ma trận ABC/VEN, các thuốc sử dụng được phân thành 3 nhóm

Nhóm 1 là nhóm cần được quan tâm vì gồm các thuốc cần thiết cho điều trị hoặc sử dụng nhiều ngân sách. Nhóm này gồm 23 thuốc chỉ chiếm 23,96% số khoản mục nhưng chiếm 83,79% giá trị sử dụng.

Nhóm 2 và nhóm 3 chiếm dưới 17% về tỉ lệ giá trị sử dụng trong cơ cấu sử dụng theo danh mục trúng thầu của Bệnh viện. Nhóm BN có 1 thuốc trong sử dụng tại khoa Ung thư và khoa sơ sinh ở Bệnh viện.

Kết quả phân tích cho thấy Hội đồng thuốc và điều trị đã thực hiện tốt việc giám sát thuốc sử dụng của danh mục trúng thầu để có danh mục thuốc phù hợp với nhu cầu khám và điều trị của Bệnh viện.

#### IV. BÀN LUẬN

Theo quy định của Thông tư 15/2019/TT-BYT, cơ sở y tế và nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc tối thiểu 80% giá trị của từng phần trong hợp đồng đã ký. Theo kết quả phân tích, toàn danh mục có tổng cộng 117 thuốc trúng thầu với giá trị đạt 99,98 tỉ VNĐ. Tuy nhiên chỉ có 96 thuốc thực hiện (chiếm 82,05% số khoản mục) đạt giá trị 61,2 tỉ VNĐ, tương ứng với 61,21% giá trị trúng thầu. Kết quả này thấp hơn nhiều so với quy định tại Thông tư 15/2019/TT-BYT yêu cầu tối thiểu thực hiện 80% giá trị gói thầu[1].

Thực tế này cho thấy có thể tồn tại tâm lý sợ thiếu thuốc sử dụng khi xây dựng kế hoạch dẫn đến việc các khoa phòng dự trữ có sự dư thừa về số lượng cũng như loại thuốc. Đặc biệt thời điểm nghiên cứu là năm 2021 - khi đại dịch COVID-19 đạt đỉnh về tỉ lệ người mắc và tử vong tại Thành phố Hà Nội. Do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh, Thủ tướng chính phủ đã thực hiện chỉ thị số 16 về giãn cách xã hội, đây cũng là một nguyên nhân chính dẫn đến số lượng bệnh nhân giảm đáng kể và tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu thấp hơn rất nhiều so với quy định đặc biệt vào tháng 8 và tháng 9 năm 2021[2].

Danh mục thuốc trúng thầu được thực hiện tại Bệnh viện Phụ sản Trung Ương năm 2021 gồm 19 nhóm tác dụng dược lý trong Thông tư 30/2018/TT-BYT với 117 khoản mục thuốc phù hợp với mô hình bệnh tật và đáp ứng nhu cầu về thuốc trong điều trị nội trú, kinh phí mua thuốc tập trung vào 7 nhóm chiếm 94,75 % giá trị và 80% số khoản mục. Kết quả này tương đồng với

nghiên cứu tại Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội năm 2018 với 23 nhóm điều trị và tập trung vào 10 nhóm chiếm 93,34% giá trị[3].

Theo cơ cấu bệnh tật tại Bệnh viện Phụ sản Trung Ương, số lượt khám chữa bệnh tập trung vào các nhóm Mổ lấy thai; Một số bệnh lý thai kỳ; Một số bệnh trong thời kỳ chu sinh hay chữa ngoài tử cung,... Do vậy các nhóm tác dụng dược lý để khám và điều trị phổ biến là thuốc trị kí sinh trùng, chống nhiễm khuẩn; thuốc tác dụng trên đường hô hấp; thuốc có tác dụng thúc đẻ cầm máu sau đẻ và chống đẻ non,...

Nhóm Thuốc có tác dụng thúc đẻ, cầm máu sau đẻ và chống đẻ non là nhóm thuốc nổi bật trong bệnh viện chuyên khoa Sản, với giá trị 10,4 tỉ VNĐ đạt 17,12% GTSD. Tập trung chủ yếu vào thuốc có hoạt chất Atosiban với hiệu quả phòng ngừa sinh non và Carbetocin để chống băng huyết sau sinh [4],[5]. Đây là hai hoạt chất có nghiên cứu chứng minh hiệu quả với sản phụ trước và sau sinh. Có thể thấy nhóm thuốc này có tỉ trọng về giá trị sử dụng lớn trong danh mục của các bệnh viện Sản Nhi. Ở Bệnh viện Sản Nhi Hưng Yên năm 2019, tỉ lệ này đạt 14,92% GTSD toàn danh mục trúng thầu, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội năm 2019 là 17,8% GTSD [3], [6].

Phối hợp ma trận ABC/VEN, 96 thuốc trúng thầu được thực hiện phân thành 3 nhóm:

Nhóm 1 là nhóm cần được quan tâm vì gồm các thuốc cần thiết cho điều trị hoặc sử dụng nhiều ngân sách. Nhóm này gồm 27 thuốc chỉ chiếm 23,08% số khoản mục nhưng chiếm 84,57% giá trị sử dụng. AE (31,42% GTSD), AV (48,34%) chiếm tỉ trọng lớn nhất, sự phân bố này là tương đối hợp lý khi nhóm AE, AV là các nhóm gồm các thuốc quan trọng nhất (V, E). Tỉ lệ AE và AV cao khá tương đồng với nghiên cứu tại Bệnh viện Sản Nhi Hải Dương năm 2019 tỉ lệ AE là 59,98% giá trị, AV đạt 19,53% [7]. Đây là 2 nhóm thuốc cần quản lý chặt chẽ để tránh bị thiếu thuốc nhưng không để tồn kho quá nhiều ảnh hưởng đến ngân sách mua thuốc của Bệnh viện.

Nhóm 2 và nhóm 3 (BE, BN, CE và CN) chiếm tỷ trọng về giá trị thấp 18% giá trị sử dụng nhưng số khoản mục lên đến gần 80% tổng số khoản mục trong cơ cấu thuốc thực hiện.

Có 1 thuốc BN sử dụng tại khoa Ung thư và khoa sơ sinh ở Bệnh viện.

Để đảm bảo thực hiện tốt hoạt động sử dụng thuốc theo kết quả trúng thầu thì cần thực hiện tốt công tác quản lý cung ứng, tồn trữ. Các nhóm AV, AE, BV, BE, CV là các nhóm thuốc tối cần

hoặc sử dụng, do đó cần lưu ý về vấn đề quản lý tồn trữ nhằm đảm bảo đáp ứng hoạt động điều trị và tránh được tình trạng tồn đọng vốn.

## V. KẾT LUẬN

Việc thực hiện mua thuốc theo kết quả đấu thầu tại Bệnh viện Phụ sản Trung Ương chưa được tốt, tỷ lệ giá trị thực hiện so với trúng thầu đạt 61,21%, thấp hơn so với quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BYT. Tỷ lệ tính theo số khoản mục đạt 82,05%. Có 21 khoản mục không được thực hiện, chiếm 17,95% tổng số khoản mục. Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, giá trị thực hiện gói thầu của tháng 8 và tháng 9 sụt giảm mạnh với giá trị chỉ đạt từ 3 đến 4 tỉ VNĐ, tương đương 60% trung bình các tháng trong năm 2021. Các thuốc được thực hiện trong danh mục trúng thầu của Bệnh viện năm 2021 được phân bổ vào 19 nhóm tác dụng dược lý. Chiếm tỉ trọng cao nhất là nhóm thuốc điều trị kí sinh trùng, chống nhiễm khuẩn với giá trị thực hiện đạt 13,45 tỉ VNĐ, tỉ lệ thực hiện/ trúng thầu là 75,59%. Phân tích ABC/VEN cho kết quả nhóm AV, AE gồm 11 khoản chiếm gần 80% giá trị sử dụng. Thuốc nhóm BN gồm 1 thuốc chiếm tỷ lệ 1,04% khoản mục và 0,55% giá trị sử dụng. Nhìn chung cơ cấu danh mục trúng thầu và danh mục thuốc thực hiện của Bệnh viện phù hợp với

mô hình bệnh tật và tương tự với cơ cấu của một số bệnh viện cùng chuyên khoa sản và một số bệnh viện chuyên khoa trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Bệnh viện cần nâng cao hiệu quả sử dụng thuốc theo kết quả đấu thầu tại Bệnh viện.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2019), Thông tư 15/2019/TT-BYT: Quy định việc đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập.
2. Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19. 2021.
3. Lại Việt Hà (2020), Phân tích danh mục thuốc được sử dụng tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội năm 2018, Luận văn chuyên khoa 2, Đại học Dược Hà Nội.
4. Mạnh Thắng N (2021), "NHẬN XÉT HIỆU QUẢ CỦA ATOSIBAN TRONG ĐIỀU TRỊ ĐOẢ ĐỀ NON TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TRUNG ƯƠNG", Tạp Chí Y học Việt Nam", pp. 503.
5. Kalafat Erkan Gokce Ali, et al., (2021), "fficacy of carbetocin in the prevention of postpartum hemorrhage: a systematic review and Bayesian meta-analysis of randomized trials", The Journal of Maternal-Fetal & Neonatal Medicine, pp. 2303-2316.
6. Vũ Đức Hoàn (2020), Phân tích danh mục thuốc đã sử dụng tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Hưng Yên năm 2019, Đại học Dược Hà nội, Luận văn tốt nghiệp chuyên khoa 1.
7. Huy Phạm Quốc (2022), Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện Nhi Hải Dương năm 2020, Trường Đại học Dược Hà Nội.

## ẢNH HƯỞNG CỦA THÔNG SỐ ĐỘNG HỌC PHÔI GIAI ĐOẠN PHÂN CHIA TỚI KHẢ NĂNG LÀM TỔ CỦA PHÔI NANG RÃ ĐÔNG

Phí Thị Tú Anh<sup>1</sup>, Đào Thị Thúy Phượng<sup>2</sup>, Lê Văn Mạnh<sup>3</sup>,  
Vũ Đình Hợp<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Liên Hương<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Xác định mối liên quan giữa một số thông số động học hình thái giai đoạn phân chia tới khả năng làm tổ của phôi nang trong các chu kỳ chuyển phôi trữ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu thuần tập hồi cứu trên 383 phôi nang tốt sau rã đông của các chu kỳ chuyển phôi từ tháng 3/2020 – tháng 12/2022 tại Bệnh viện đa khoa Tâm Anh. Nghiên cứu so sánh giữa nhóm phôi làm tổ và không làm tổ về các thông số động học

tPNa, tPNf, t2 – t8, cc1, cc2, cc3, s2, s3, và các đặc điểm phân chia bất thường (phân chia trực tiếp, phân chia ngược). Mô hình tiên lượng khả năng làm tổ được xây dựng bằng thuật toán cây phân loại, giá trị tiên lượng của mô hình được xác định với đường cong ROC. **Kết quả:** Mô hình thứ bậc gồm các thông số phân chia trực tiếp, tPNa và cc1 cho thấy ảnh hưởng nhiều nhất đến tiềm năng làm tổ của phôi, với giá trị AUC = 0.641. **Kết luận:** Nghiên cứu cho thấy bên cạnh đánh giá hình thái, các thông số động học ở giai đoạn phân chia sớm có ý nghĩa tiên lượng khả năng làm tổ của phôi nang.

**Từ khóa:** động học hình thái, làm tổ, timelapse, chuyển phôi nang

### SUMMARY

**CORRELATION BETWEEN MORPHOKINETIC PARAMETERS OF DAY 3 EMBRYOS AND IMPLANTATION CAPABILITY IN FROZEN BLASTOCYST TRANSFER CYCLES**

<sup>1</sup>Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh Hà Nội

<sup>2</sup>Đại học Y Hà Nội

<sup>3</sup>Bệnh viện Sản Nhi Bắc Ninh

Chịu trách nhiệm chính: Phí Thị Tú Anh

Email: anhptt@tamanhhospital.vn

Ngày nhận bài: 10.5.2023

Ngày phản biện khoa học: 22.6.2023

Ngày duyệt bài: 12.7.2023